

Số: 34/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 454/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/- Ông Đặng Văn B, sinh năm 1966;
2/- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;
Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.
Ông B, bà T cùng ủy quyền cho:
Chị Nguyễn Thị Hoàn T1, sinh năm 1998;
Địa chỉ: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Ông Phạm Duy K, sinh năm 1986;
Địa chỉ: số C ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số D ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.
(Bà T2 ủy quyền cho ông K)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 28/11/2022 giữa ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị T với ông Phạm Duy K tại thửa đất số 197 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 1465.8m² tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long).

2.2/- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 28/11/2022 giữa ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị T với ông Phạm Duy K tại

thửa đất số 195 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 1320.8m² tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 195, 197 cùng tờ bản đồ số 02 có diện tích lần lượt là 1320.8m²; 1465.8m² tọa lạc tại xã A, tỉnh Vĩnh Long.

2.3/- Buộc ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Duy K, bà Nguyễn Thị Kim T2 số tiền nợ vay, nợ lãi còn thiếu là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng); trong đó tiền vay là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4/- Về án phí dân sự sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50% (150.000đ + (350.000.000đ x 2.5%)) là: 8.900.000đ (tám triệu chín trăm ngàn đồng), bà T ông B tự nguyện nộp nhưng bà T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 4.450.000đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010810 ngày 28/11/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Buộc ông B, bà T phải nộp tiếp số tiền 3.850.000đ (ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ